

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 713/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1113/2022/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2023/QĐST–HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh L.

Tạm trú: Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Phan Tam Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phan Tam Q do mai mối tiến tới hôn nhân năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 24 tháng 02 năm 2014. Thời gian đầu bà T và ông Q chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T đã cố gắng thay đổi bản

thân và khuyên nhủ ông Q nhiều lần để cuộc sống vợ chồng được hòa hợp, nhưng ông Q không muốn thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 02/2020 bà T bỏ về nhà cha ruột tại địa chỉ Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh L sinh sống, làm việc và chính thức ly thân với ông Q cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông Q có liên hệ với bà T để hàn gắn, nhưng bà T không đồng ý. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tú được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà T và ông Q chung sống với nhau không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Tam Q trình bày:

Ông Phan Tam Q thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm T về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không có con, bất đồng quan điểm sống. Tháng 02/2020 bà Tú theo cha ruột về nhà tại địa chỉ Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh L sinh sống cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, ông Q có liên hệ bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T né tránh. Nay ông Q đồng ý trả tự do cho bà T, nhưng ông Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì ông Q không dám vượt quyền, cãi lại ông bà cha mẹ. Ngoài ra, ông Q không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Q và xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Phan Tam Q vắng mặt, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phan Tam Q.
- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Phan Tam Q. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phan Tam Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 541/TLKH-BS ngày 18/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H xác định bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phan Tam Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 24 tháng 02 năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà T trình bày thì bà và ông Q phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà đã cố gắng thay đổi bản thân để hòa hợp với ông Q, nhưng ông Q không muốn thay đổi nên đời sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay bà không còn tình cảm với ông Q, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Q.

Đối với ông Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà T và xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không có con và bất đồng quan điểm sống; vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Q tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H thì:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phan Tam Q có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014.

- Ủy ban nhân dân xã chưa tiếp nhận thông tin, chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phan Tam Q.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà T không còn yêu thương và không còn muốn tiếp tục chung sống với ông Q. Ông Q trình bày không đồng ý ly hôn với bà T, nhưng lại không đưa ra được biện pháp đoàn tụ, thuyết phục bà T hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, việc ông Q xin đoàn tụ là không có căn cứ; bà T xin ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Phan Tam Q.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phan Tam Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H cấp ngày 24 tháng 02 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042133 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương